

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2022/KDTM-PT**

Ngày 06 tháng 9 năm 2022

Về T/c Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán:

Ông Lê Tự Sinh

Bà Mai Vương Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ:* Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2022/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án kinh doanh thương mại số: 08/2021/KDTM-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 153/2022/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T.** Trụ sở: Số 122 đường N, phường C, quận T, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan C, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: K27/12 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền số 01/2021-UQCT ngày 07/4/2021 và Văn bản ủy quyền bổ sung số 01/2022-UQBS ngày 02/3/2022 của ông Phan C, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T. Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* **Công ty cổ phần Xây dựng V.** Địa chỉ: Số 158 đường Nguyễn Đ, phường A, quận T, TP Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Phùng Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ 47 phường A, quận T, TP Đ, chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng V tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 32/GUQ-CT ngày 14/3/2022 của ông Dương C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng V. Ông T có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty cổ phần Du lịch H.** Địa chỉ: Số 83 đường N, phường H, quận Hà, TP Đ.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần C, sinh năm 1968, chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch H. Ông C có mặt tại phiên tòa.

4. *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần Du lịch H - Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 8.4.2021, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 17.8.2018, giữa Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T và Công ty cổ phần Xây dựng V có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 1708/XXV/NL-HTV-DA H.

Để thực hiện hợp đồng số 1708/XXV/NL-HTV-DA H hai bên còn ký kết Phụ lục hợp đồng mua bán số 01/NL-HTV/HC ngày 12.10.2018 và các văn bản bảo lãnh, cam kết thanh toán của Công ty cổ phần Du lịch H: “Cam kết thanh toán cho quý Công ty số tiền tương ứng với giá trị thép do Công ty T cung cấp cho Công ty cổ phần Xây dựng V phục vụ thi công dự án: Tổ hợp khu Du lịch nghỉ dưỡng cao cấp do Công ty cổ phần Du lịch H; Địa điểm: Đường T, phường H, quận N, Tp Đ”.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty cổ phần Xây dựng V đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không tiến hành thanh toán cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T theo cam kết và thỏa thuận của 02 bên. Ngày 31.12.2020, hai bên đã ký kết biên bản đối chiếu, xác nhận Công nợ số 01/2021 (từ ngày 06.11.2019 đến ngày 31.12.2020) xác nhận Công ty cổ phần Xây dựng V còn nợ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền là 8.529.404.429 đồng (tám tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

Ngày 09.4.2021, Công ty cổ phần Xây dựng V đã thanh toán thêm cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền 83.683.600 đồng. Như vậy, tính đến ngày 16.9.2021, Công ty cổ phần Xây dựng V còn nợ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền 9.685.598.002đ (Chín tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi tám nghìn, không trăm linh hai đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 7.988.146.473 đồng

- Nợ lãi : + 457.574.356 đồng (tính đến ngày 05.11.2019)

+ 1.239.877.174 đồng (tính từ 06.11.2019 đến 16.9.2021)

Trường hợp Công ty cổ phần Xây dựng V không chịu thanh toán thì đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần Du lịch H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và cam kết thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tương ứng với số tiền nợ tiền mua thép do Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T đã cung cấp cho Công ty cổ phần Xây dựng V để phục vụ công trình Tổ hợp khu Du lịch nghỉ dưỡng cao cấp do Công ty cổ phần Du lịch H làm chủ đầu tư.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Xây dựng V còn nợ số tiền liên quan đến 04 Hóa đơn giá trị gia tăng số HĐ 0000774 ngày 4.11.2019, HĐ 0000810 ngày 10.11.2019, HĐ 0000835 ngày 15.11.2019, HĐ 0000835 ngày 15.11.2019 với số tiền 9.931.084.064 đồng. Hai bên đều có xác nhận đơn hàng cũng như biên bản giao nhận hàng hóa đính kèm, đại diện của bị đơn đều ký xác nhận vào đơn nhận hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này.

** Tại văn bản phản hồi ý kiến đề ngày 06.5.2021, Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Phùng Văn T trình bày:*

Điều kiện tiên quyết để các bên ký kết Hợp đồng là có sự bảo lãnh của chủ đầu tư Công ty cổ phần Du lịch H.

Ngày 31.12.2020, hai bên đã ký kết biên bản đối chiếu, xác nhận Công nợ số 01.2021 (từ ngày 06.11.2019 đến ngày 31.12.2020) xác nhận Công ty Cổ phần H còn nợ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền là 8.529.404.429 đồng (tám tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

Ngày 09.4.2021, Công ty cổ phần Xây dựng V thanh toán thêm cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền 83.683.600 đồng. Tính đến nay, Công ty cổ phần Xây dựng V xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền nợ gốc và lãi là: 8.445.720.829 đồng.

Toàn bộ số thép mà Công ty cổ phần Xây dựng V mua của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T theo Hợp đồng đều phục vụ cho dự án của Công ty cổ phần Du lịch H. Hiện nay chủ đầu tư của dự án là Công ty cổ phần Du lịch H chưa thanh toán cho Công ty cổ phần Xây dựng V nên Công ty cổ phần Xây dựng V không có khả năng tài chính để thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T. Đề nghị Tòa án căn cứ theo văn bản bảo lãnh thanh toán để yêu cầu chủ đầu tư - Công ty cổ phần Du lịch H thanh toán công nợ nói trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T

Đối với tiền lãi phát sinh từ ngày 06.11.2019 đến ngày 16.9.2021: 1.239.877.174 đồng, Công ty cổ phần Xây dựng V không đồng ý vì trách nhiệm trả nợ lúc này là của chủ đầu tư Công ty cổ phần Du lịch H.

Đối với 04 Hóa đơn giá trị gia tăng số HĐ 0000774 ngày 04.11.2019, HĐ 0000810 ngày 10.11.2019, HĐ 0000835 ngày 15.11.2019, HĐ 0000835 ngày 15.11.2019 với tổng số tiền là 9.931.084.064 đồng. Công ty cổ phần Xây dựng V đề nghị để hai bên đối chiếu công nợ không đưa vào giải quyết trong vụ án này.

** Tại văn bản phản hồi ý kiến đề ngày 10.5.2021, Biên bản hòa giải, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần C trình bày:*

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần Du lịch H với vai trò là Chủ đầu tư, luôn thực hiện nghiêm túc việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng thi công giữa chủ đầu tư và nhà thầu V. Công ty cổ phần Du lịch H đã nhiều lần ứng trước khối lượng công việc của Công ty cổ phần Xây dựng V để thanh toán cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T. Từ ngày

08.3.2019 đến nay, khi có đơn hàng từ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T, chúng tôi luôn thanh toán trực tiếp cho Công ty cổ phần Xây dựng V.

Về số liệu công nợ, theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa nhà thầu V và Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T, số liệu công nợ đến ngày 31.01.2021, nhà thầu V còn nợ Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền là 8.529.404.429 đồng và theo công văn số 55/CV-NLXXVII, ngày 01.02.2021 của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T gửi cho chủ đầu tư nhờ hỗ trợ thanh toán số công nợ của Công ty cổ phần Xây dựng V: 8.529.404.429 đồng.

Hiện nay, giữa Công ty cổ phần Xây dựng V và Công ty cổ phần Du lịch H chưa có số liệu quyết toán nên Công ty cổ phần Du lịch H không biết nghĩa vụ bao nhiêu để thực hiện việc bảo lãnh. Nên Công ty cổ phần Du lịch H không đồng ý thanh toán số tiền trên cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T.

Đối với 04 Hóa đơn giá trị gia tăng số HĐ 0000774 ngày 04.11.2019, HĐ 0000810 ngày 10.11.2019, HĐ 0000835 ngày 15.11.2019, HĐ 0000835 ngày 15.11.2019, Công ty cổ phần Du lịch H không biết.

Với nội dung trên Bản án số 08/2021/KDTM-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân quận T thành phố Đ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T. Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần Du lịch H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền mua thép mà Công ty cổ phần Xây dựng V còn nợ cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T với số tiền: 9.608.105.677đ (Chín tỷ, sáu trăm lẻ tám triệu, một trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó, nợ gốc: 7.988.146.473đ; nợ lãi: 457.574.356đ (tính đến ngày 05/11/2019) và 1.162.384.848 đ (tính từ ngày 06/11/2019 đến ngày 16/9/2021).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 117.608.000đ, Công ty cổ phần Du lịch H phải chịu.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 03/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ kháng nghị với nội dung: Bản án sơ thẩm không giải quyết nghĩa vụ thanh toán của Công ty V mà tuyên buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán là giải quyết không đúng đối tượng bị kiện, không đúng phạm vi khởi kiện vi phạm Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền giải quyết: xác định Tòa án nơi bị đơn có trụ sở là chưa đúng mà phải ưu tiên theo thỏa thuận của các đương sự là Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở theo điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là vi phạm khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại văn bản ngày 09/6/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền 5.732.945.986 đồng là thiệt hại do chênh lệch giá sắt thép, tại phiên tòa nguyên

đơn không còn yêu cầu nhưng bản án sơ thẩm không nhận định nội dung này; Về thời hạn thanh toán: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thỏa thuận “thanh toán dứt điểm số còn lại trong đợt quyết toán” được hiểu và được các bên thực hiện thế nào từ đó mới đánh giá được Công ty V có vi phạm nghĩa vụ trả nợ hay không; Về lãi suất: Cần làm rõ mức lãi suất mà các bên áp dụng, từ đó đối chiếu mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu mới có đủ cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận; Về nghĩa vụ bảo lãnh: cần phải thu thập chứng cứ là các biên bản giao nhận hàng, xác nhận khối lượng thép của chủ đầu tư để làm cơ sở xác định giá trị thép cấp thẳng đến công trình, điều kiện giải ngân để xác định trách nhiệm bảo lãnh của Công ty H và cần làm rõ thỏa thuận của các bên về việc Công ty V sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty T trong đợt quyết toán cuối cùng, và sau khi thanh quyết toán mà Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì Công ty H mới phải thực hiện thay nghĩa vụ thanh toán; Về nghĩa vụ chịu án phí: Tòa án tuyên Công ty H chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là không đúng; Ngoài ra, Bản án quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án là “ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật...” là không phù hợp với khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung, thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến việc giải quyết vụ án thiếu căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 05/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Du lịch H kháng cáo với nội dung: Về số tiền nợ gốc: 7.988.146.473 đồng, Tòa buộc Công ty H trả là thiếu cơ sở về thời gian và giá trị vì: nhà thầu V chưa hoàn thành công việc, chưa nghiệm thu, quyết toán công trình do đó không thể xác định được tổng khối lượng sắt thép đã thi công nên không xác định được giá trị công nợ thuộc trách nhiệm của bên bảo lãnh là Công ty H và trái ngược với biên bản ba bên đã ký ngày 01/7/2020; Về số tiền lãi: 1.619.959.204 đồng, Công ty H không có trách nhiệm thanh toán vì việc chậm thanh toán là giữa Công ty V và Công ty H không liên quan; Về tiền án phí: 117.608.000 đồng, Công ty H không phải là nguyên đơn hay bị đơn nên Công ty không chịu trách nhiệm và không liên quan đến phần án phí việc Tòa tuyên Công ty H chịu án phí là không đúng. Do Bản án sơ thẩm đánh giá thiếu khách quan, có dấu hiệu khuất tất nên Công ty H không đồng ý, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại. (Kháng cáo quá hạn được chấp nhận theo trình tự xét kháng cáo quá hạn)

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị: Đề nghị sửa Bản án theo hướng buộc bị đơn Công ty V phải trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 9.608.105.677 đồng cho nguyên đơn là Công ty T, trong trường hợp bị đơn không trả thì Công ty H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền nợ tương

ứng với giá trị thép thực hiện thi công công trình sau khi quyết toán; Về án phí: Công ty V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại mục 5.4 Điều 5 Điều khoản chung của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1708 ngày 17/8/2018, các bên đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của bên nguyên đơn để yêu cầu giải quyết tranh chấp. Hiện nay, nguyên đơn có trụ sở tại địa bàn quận T nên Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ giải quyết ở cấp sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Sau khi xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ kháng nghị, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Du lịch H kháng cáo quá hạn và được xét chấp nhận, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty cổ phần Du lịch H thì thấy,

[2.1] Về quyền đòi nợ của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T: Ngày 31/12/2020, Công ty V và Công ty T cùng nhau ký Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ, theo đó Công ty V xác nhận còn nợ Công ty T số tiền tổng cộng là 8.529.404.429đ. Sau đó ngày 09/4/2021, Công ty V đã thanh toán thêm số tiền 83.683.000đ nên Công ty V còn nợ Công ty T số tiền: 8.445.720.829đ trong đó, nợ gốc: 7.988.146.473đ; nợ lãi: 457.574.356đ (tính đến ngày 05/11/2019). Việc xác nhận công nợ của Công ty V đối với Công ty T là đã phát sinh quyền đòi nợ của Công ty T đối với Công ty V.

Theo Biên bản hợp ngày 17/01/2020 giữa đại diện Công ty T, Công ty V, Công ty H có nội dung: “Hai bên thống nhất giải quyết công nợ tồn đọng trong đợt thanh toán này một cách cụ thể là Công ty V phải trả công nợ cũ cho Công ty T 3,00 tỷ đồng và cam kết thanh toán dứt điểm số còn lại *trong đợt quyết toán*. Hai bên thống nhất theo thỏa thuận và cam kết trên đề nghị Chủ đầu tư căn cứ hỗ trợ giải quyết”. Điều này được hiểu là, chủ đầu tư Công ty H sẽ chịu trách nhiệm bảo lãnh thanh toán cho Công ty T đến khi đơn vị thi công là Công ty V *quyết toán công trình*, thời hạn cam kết của các bên “trong đợt quyết toán” phù hợp với cam kết thời hạn bảo lãnh thanh toán tại văn bản số 31 ngày 11/5/2019 của Công ty H là “đến khi kết thúc dự án” mà nghĩa vụ quyết toán công trình là giữa nhà thầu Công ty V với chủ đầu tư Công ty H nên không vì sự kéo dài thời gian quyết toán công trình làm ảnh hưởng đến quyền đòi nợ của nhà cung cấp thép là Công ty T.

Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện các bên có thỏa thuận về việc Công ty V đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho Công ty H. Do vậy, Công ty T khởi kiện đòi nợ Công ty V là phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Về nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty H: Trong suốt quá trình tổ tụng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Công ty H luôn thể hiện trách nhiệm của người bảo lãnh là thực hiện thay nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V đối với Công ty T, giá trị thanh toán chỉ trong phạm vi số tiền tương ứng với giá trị thép cấp cho Công ty V phục vụ thi công dự án: Tổ hợp Khu nghỉ dưỡng cao cấp; địa điểm: Đường T, phường H, quận N, TP Đ, không bao gồm nghĩa vụ trả lãi chậm trả của Công ty V.

Công ty H không chứng minh được khối lượng sắt thép tương ứng với giá trị trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020 với Công ty T là Công ty V đã phục vụ cho công trình khác. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020 dựa trên cơ sở thực tế cấp hàng theo Hợp đồng mua bán 1708/XXV/NL-HTV-DA H ngày 17/8/2018 và Phụ lục Hợp đồng mua bán số 01/NL-HTV/HC ngày 12/10/2018 mà mục đích của hợp đồng là nhằm phục vụ riêng cho việc thi công xây dựng tại công trình Tổ hợp khu nghỉ dưỡng cao cấp nên phát sinh trách nhiệm bảo lãnh thanh toán của Công ty cổ phần Du lịch H đối với khoản nợ mua thép (nợ gốc) chậm trả là 7.988.146.473đ cho Công ty T.

Việc Công ty H cho rằng đã hỗ trợ đơn vị thi công Công ty V thanh toán cho Công ty T 100% đến nay không còn đồng công nợ nào là không có cơ sở, Công ty H cũng không có chứng cứ chứng minh cho lập luận của mình. Theo hồ sơ các bên cung cấp, hiện nay Công ty H vẫn không tiến hành thanh quyết toán cho đơn vị thi công mà chỉ tạm ứng. Số tiền tạm ứng thi công, Công ty V phải chi trả tiền nhân công và trả cho các nhà cung cấp vật liệu xây dựng khác như: xi măng, cát, sạn, gạch, đá ... trong đó có tiền sắt thép nên không có căn cứ để cho rằng Công ty H đã trả hết tiền sắt thép cho Công ty T.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ban đầu nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền 18.002.914.137 đồng và lãi phát sinh, sau đó nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến công nợ theo 04 Hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 9.931.084.064đ và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền theo Biên bản đối chiếu công nợ và lãi phát sinh là trong cùng một quan hệ pháp luật, không phải là quan hệ pháp luật khác nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định trong bản án mà không tuyên đình chỉ là đúng pháp luật là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu Công ty V phải bồi thường số tiền 5.732.945.986đ là thiệt hại do chênh lệch giá sắt thép tại thời điểm bán và thời điểm hiện nay; nội dung này đã được nêu trong Biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/6/2021 và ngày 30/6/2021. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty T không còn yêu cầu giải quyết, nhưng bản án sơ thẩm không nhận định nội dung này. Xét thấy, Viện kiểm sát kháng nghị là phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về mức lãi suất áp dụng thì thấy, theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán hàng hóa số 1708/XXV/NL-HTV-DA H thì: “Bên B phải chịu lãi chậm thanh toán theo lãi suất cho vay của Ngân hàng thương mại tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán”. Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ số 01/2020 ký ngày 31/12/2020, các bên xác định nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là 457.574.356đ tương ứng với mức lãi suất 8%/năm. Nay nguyên đơn chỉ tính lãi suất 7,5%/năm và bị đơn cũng thống nhất với mức lãi suất này nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 306 của Luật thương mại.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc thu thập chứng cứ để xác định

trách nhiệm bảo lãnh của Công ty H thì thấy, Căn cứ nội dung Văn bản số 29/2018/CV-DLHC và số 31/CV-HC của Công ty H, Biên bản họp ngày 17/01/2020 được ba bên ký kết và Biên bản cam kết số 15/CV-CT ngày 17/01/2020 của Công ty V gửi Công ty T, có đủ cơ sở để xác định Công ty H bảo lãnh trong phạm vi số tiền tương ứng với giá trị thép cấp cho Công ty V phục vụ thi công dự án: Tổ hợp Khu nghỉ dưỡng cao cấp; địa điểm: Đường T, phường H, quận N, TP Đ, không bao gồm nghĩa vụ trả nợ lãi chậm trả của Công ty V.

Ngày 31/12/2020, Công ty V và Công ty T tiến hành đối chiếu công nợ trên cơ sở khối lượng mua bán thép phục vụ dự án Tổ hợp Khu nghỉ dưỡng cao cấp theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 1708/XXV/NL-HTV-DA H. Theo đó, Công ty V xác nhận còn nợ Công ty T số tiền 8.445.720.829đ, trong đó nợ gốc: 7.988.146.473đ và nợ lãi tính đến ngày 05/11/2019 là: 457.574.356đ nên việc Viện kiểm sát yêu cầu thu thập thêm các Biên bản giao nhận hàng, việc xác nhận khối lượng thép của chủ đầu tư Công ty H để xác định phạm vi bảo lãnh của Công ty H là không cần thiết.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về nghĩa vụ chịu án phí thì thấy: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty V phải có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 117.608.000đ.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về lãi trong giai đoạn thi hành án thì thấy: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì tại phần quyết định của Bản án phải tuyên: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự”. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án là: “Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật...” là không đúng.

[8] Từ những nhận định trên chấp nhận kháng cáo của Công ty H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ. Sai sót của Bản án sơ thẩm không cần thiết phải hủy án mà sửa toàn bộ nội dung bản án cũng đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của các đương sự.

[9] Do kháng cáo của Công ty H được chấp nhận nên Công ty H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 147,148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hoàn trả cho Công ty H tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu số 0002475 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án quận T, thành phố Đ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 335, 340, 342, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Du lịch H; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

II. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T đối với Công ty cổ phần Xây dựng V.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần Xây dựng V phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền mua thép cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T tổng cộng là: 9.608.105.677 đồng (Chín tỷ, sáu trăm lẻ tám triệu, một trăm lẻ năm nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó:

- Nợ gốc tiền hàng: 7.988.146.473 đồng
- Nợ lãi theo Biên bản đối chiếu công nợ: 457.574.356 đồng
- Nợ lãi phát sinh từ ngày 06/11/2019 - 16/9/2021 là: 1.162.384.848 đồng

Trường hợp Công ty cổ phần Xây dựng V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T thì Công ty cổ phần Du lịch H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay đối với số tiền nợ gốc là 7.988.146.473đ (Bảy tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi ba đồng) cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 117.608.000đ (Một trăm mười bảy triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn đồng) Công ty cổ phần Xây dựng V phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.700.000 đồng theo Biên lai thu số 0002607 ngày 28/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty cổ phần Du lịch H không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty cổ phần Du lịch H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0002475 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án quận T, thành phố Đ.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đ;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T
- Lưu VPTH, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo